

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu:

Cung cấp thuốc tránh thai năm 2026
(Mã hiệu: ĐPG.TTT.2026)

Dự toán mua sắm:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa gửi đàm phán giá.

Phát hành ngày:

Ngày 15 tháng 10 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

Quyết định số 174/QĐ-TTMS ngày 15 tháng 10 năm 2026

Hà Nội – Tháng 10/2026

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu:

Cung cấp thuốc tránh thai năm 2026 (Mã hiệu: ĐPG.TTT.2026)

Dự toán mua sắm:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa gửi đàm phán giá.

Phát hành ngày:

Ngày 15 tháng 10 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

Quyết định số 174/QĐ-TTMS ngày 15 tháng 10 năm 2026



Lê Thanh Công

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT HỒ SƠ YÊU CẦU

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ	6
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	6
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU	30
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX	34
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU	42
Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP.....	69
Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP	69
Phần 3. THỎA THUẬN KHUNG	73
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG	74
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG	81
Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	85

MÔ TẢ TÓM TẮT HỒ SƠ YÊU CẦU

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDX và thực hiện theo Chương I này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDX, mở thầu, đánh giá HSDX, thực hiện đàm phán giá và trao Thỏa thuận khung.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương II này.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDX và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSDX.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

Phần 3. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các thỏa thuận khung của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung

Chương này bao gồm dữ liệu thỏa thuận khung và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi thỏa thuận khung. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của thỏa thuận khung.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chi dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của thỏa thuận khung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung
VND	Đồng Việt Nam
GMP	Thực hành tốt sản xuất thuốc
GSP	Thực hành tốt bảo quản thuốc
GDP	Thực hành tốt phân phối thuốc
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026
Thông tư số 05/2024/TT-BYT	Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu và giải thích từ ngữ	1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm thuốc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. Thuật ngữ “thuốc” được hiểu bao gồm thuốc hóa dược, thuốc phóng xạ, chất đánh dấu, vắc xin, sinh phẩm, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, dược liệu, vị thuốc cổ truyền và các loại khí được cấp số đăng ký lưu hành là thuốc. 1.2. Tên gói thầu; dự án/dự toán mua sắm số lượng, số hiệu các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL. Trường hợp gói thầu mua thuốc có nhiều mặt hàng thuốc, mỗi mặt hàng thuốc thuộc gói thầu được coi là một phần độc lập của gói thầu. 1.3. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDX và được quy định trong Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá. 1.4. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 1.5. Thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung và thời gian thực hiện gói thầu quy định tại BDL.
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.
3. Hành vi bị cấm	3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 3.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 3.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDX hoặc rút HSDX để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSYC nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDX hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 3.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;
- b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

3.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
- b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
- c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
- d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSYC đối với cùng một gói thầu;
- c) Tham gia đánh giá HSĐX đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;
- d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;
- đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu cung cấp thuốc do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm định HSYC; đánh giá HSĐX; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ

	quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ thuốc trong HSYC, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu; 3.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung HSYC trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSYC; nội dung yêu cầu làm rõ HSĐX của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSĐX; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐX trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 3.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSYC mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
4. Tư cách hợp lệ của	Nhà thầu được mời vào đàm phán phải đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu

nhà thầu	thầu, cụ thể như sau: a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu; g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; i) Đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.
5. Tính hợp lệ của thuốc	5.1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể: a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo quy định tại BDL. b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược. c) Thuốc tham dự thầu không có quyết định/thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp). 5.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp theo quy định tại HSYC. Việc phân phóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc dự thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. 5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc; về tiêu chuẩn Thực

	hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định tại BDL. 5.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu được phép làm rõ theo quy định tại Mục 24 CDNT.
6. Nội dung của HSYC	6.1 HSYC gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC theo quy định tại Mục 7 và Mục 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá: Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp; Chương V. Phạm vi cung cấp. Phần 3. Thỏa thuận khung Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung; Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung; Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC hay các tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT, nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. Các tài liệu do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá, HSYC bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSYC để chuẩn bị HSDX theo yêu cầu của HSYC cho phù hợp.
7. Phát hành HSYC, sửa đổi HSYC	7.1. Chủ đầu tư thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá và phát hành HSYC công khai trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (ncdp.vn). Chủ đầu tư không phát hành HSYC bản giấy cho các nhà thầu. 7.2. Trường hợp sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo HSYC sửa đổi, các nội dung sửa đổi HSYC trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (ncdp.vn) trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. Văn bản sửa đổi HSYC là một phần của HSYC. 7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Mua sắm tập

	trung thuốc Quốc gia (ncdp.vn) để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSYC, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDX. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (ncdp.vn) dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSYC, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu bằng văn bản giấy hoặc qua thư điện tử.
8. Làm rõ HSYC	Trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và đăng tải văn bản làm rõ HSYC trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (ncdp.vn) trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ HSYC. Nội dung làm rõ HSYC không được trái với nội dung của HSYC đã được phê duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSYC dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSYC theo quy định Mục 7.2 CDNT. Văn bản làm rõ HSYC là một phần của HSYC. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu bằng văn bản giấy hoặc qua thư điện tử.
9. Chi phí	HSYC được phát hành miễn phí ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX theo quy định. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
10. Ngôn ngữ	HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX đều được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
11. Thành phần của HSDX	HSDX phải bao gồm các thành phần sau: 11.1. Đơn đề xuất theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mẫu số 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; 11.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 11.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT và Mục 16 CDNT; Tài

	liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề xuất theo quy định tại mục 18.2 CDNT. 11.4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc theo quy định tại Mục 15 CDNT và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của HSYC. Kết quả đánh giá về tính hợp lệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc do nhà thầu tự đánh giá theo Mẫu số 14 Chương IV. 11.5. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mục 13 CDNT. Nhà thầu phải cung cấp các thông tin về giá, các tiêu chí kinh tế kỹ thuật theo quy định tại BDL. 11.6. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
12. Đơn đề xuất và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
13. Giá đề xuất và giảm giá	13.1. Giá đề xuất ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá đề xuất là giá do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá đề xuất; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào Đơn đề xuất. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá đề xuất. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá đề xuất không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu nộp HSDX cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSYC và ghi đơn giá đề xuất cho từng mặt hàng thuốc theo Mẫu số 13 Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn đề xuất (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá đề xuất để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC. Trường hợp HSDX có giá đề xuất sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Giá đề xuất được ghi tại tất cả các tài liệu, bảng

	biểu trong HSĐX phải thống nhất. Trường hợp giá đề xuất được ghi trong HSĐX không thống nhất (sau khi đã sửa lỗi theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)), để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư lấy giá đề xuất là giá thấp nhất để tiếp tục đánh giá HSĐX theo quy định. 13.4. Giá đề xuất của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá đề xuất không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu ghi giá đề xuất theo quy định tại BDL. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá sẽ được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSĐX.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của thuốc so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSĐX để chứng minh rằng thuốc mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX và Chương V - Phạm vi cung cấp. 15.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật thuốc, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của thuốc so với các yêu cầu của HSYC. 15.3. Các thông tin tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến mặt hàng thuốc do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. 16.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại BDL.
17. Thời hạn có hiệu lực của	17.1. HSĐX có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX.

HSĐX	Nếu nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc gia hạn hiệu lực của HSĐX thì HSĐX của nhà thầu sẽ không còn giá trị và bị loại. Nhà thầu chấp thuận đề nghị gia hạn HSĐX không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
18. Quy cách của HSĐX và chữ ký trong HSĐX	18.1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc HSĐX và 02 (hai) bản chụp HSĐX, 01 USB có chứa tất cả các file mẫu biểu theo quy định của HSYC. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT" và "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSĐX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sửa đổi HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc và 02 (hai) bản chụp HSĐX sửa đổi, 01 USB có chứa tất cả các file mẫu biểu theo quy định tại HSYC. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI". 18.2. Bản gốc của HSĐX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản sửa đổi, làm rõ HSĐX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. 18.3. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản Thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 18.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất.
19. Niêm phong và ghi bên ngoài HSĐX	19.1. Túi đựng HSĐX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi HSĐX thì hồ sơ sửa đổi (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSĐX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI". Các túi đựng: HSĐX; HSĐX sửa đổi; phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng

	của nhà thầu. 19.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải: a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; b) Ghi tên và địa chỉ của người nhận là tên Chủ đầu tư theo quy định tại BDL; c) Ghi tên gói thầu; d) Ghi dòng chữ cảnh báo “KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC THỜI ĐIỂM MỞ THẦU” 19.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSYC trong quá trình chuyển đến Chủ đầu tư, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSYC theo hướng dẫn quy định tại Mục 19.1 và 19.2 CDNT. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSĐX nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.
20. Thời điểm đóng thầu	20.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá và theo quy định tại BDL. 20.2. HSĐX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư tiếp nhận HSĐX của tất cả các nhà thầu nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu. 20.3. HSĐX nộp sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại. Bất kỳ HSĐX nào mà Chủ đầu tư nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSĐX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. 20.4. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
21. Nộp, rút và sửa đổi HSĐX	21.1. Nộp HSĐX: Nhà thầu nộp HSĐX theo quy định nêu tại mục 18, 19, 20 CDNT. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSĐX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 21.2. Sau khi nộp HSĐX, nhà thầu có thể sửa đổi, nộp lại hoặc rút HSĐX bằng cách gửi văn bản đề nghị cho Chủ đầu tư có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự

		thầu. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận việc sửa đổi, nộp lại hoặc rút HSDX của nhà thầu nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu. 21.3. Sửa đổi, nộp lại HSDX: Trường hợp cần nộp lại HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDX đã nộp trước đó để nộp lại cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường hợp sửa đổi HSDX đã nộp, HSDX sửa đổi phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18 và Mục 19 CDNT; b) Được Chủ đầu tư tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSYC (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDX mới cho phù hợp với HSYC đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSDX thì HSDX đã nộp trước thời điểm HSYC được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 21.4. Rút HSDX: Nhà thầu được rút HSDX trước thời điểm đóng thầu. HSDX mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 21.2 và 21.3 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Trường hợp rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX thì nhà thầu bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSDX. 21.5. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDX trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDX nộp thành công (ngoại trừ HSDX của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi HSYC và nhà thầu không nộp HSDX mới cho phù hợp với HSYC được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
22. thầu	Mở	22.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 20.3 và Mục 21.4 CDNT, Chủ đầu tư phải mở công khai và đọc rõ các thông tin quy định tại Mục 22.3 CDNT của tất cả HSDX đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. 22.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút HSDX thì trước tiên Chủ đầu tư sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản thông báo rút và

túi đựng HSDX của nhà thầu có đề nghị rút HSDX sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDX và vẫn mở HSDX tương ứng nếu văn bản thông báo rút HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Đối với các túi đựng “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc rõ cùng với các HSDX sửa đổi tương ứng. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDX nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền.

Chỉ có các HSDX được mở và đọc tại buổi mở thầu mới được xem xét và đánh giá.

22.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở bản gốc HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có) và đọc rõ các thông tin sau:

- Tên nhà thầu;
- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ;
- Giá đề xuất ghi trong Đơn đề xuất ;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Giá đề xuất sau giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan (nếu có).

Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá đề xuất và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

- c) Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

22.4. Chủ đầu tư phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin:

- a) Thông tin về gói thầu:

- Số Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá;

	- Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về nhà thầu tham dự quy định tại điểm b Mục 22.3 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.
23. Bảo mật	23.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX và đề nghị trao thỏa thuận khung phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDX của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 23.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX (nếu cần thiết) và thực hiện đàm phán giá (đối với hình thức trực tiếp) theo quy định tại Mục 31. CDNT, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
24. Làm rõ HSDX	24.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDX của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDX (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ được coi như một phần của HSDX. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và

	được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDX. 24.2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có HSDX cần làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDX. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDX của nhà thầu theo HSDX nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDX. 24.3. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDX thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong HSDX thì được gửi tài liệu đến Chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày đóng thầu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của HSDX. 24.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDX hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 24.1 CDNT. 24.5. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc mà HSDX không bao gồm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDX. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 24.6. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư có thể mời nhà thầu đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung, thông tin cần thiết của HSDX nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.
25. Các sai khác, đặt	25.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSYC; 25.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc

điều kiện và bỏ sót nội dung	thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSYC; 25.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSYC.
26. Xác định tính đáp ứng của HSDX	26.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDX dựa trên nội dung của HSYC theo quy định tại Mục 11 CDNT. 26.2. HSDX đáp ứng cơ bản là HSDX đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSYC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDX mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng thuốc; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSYC đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSYC. 26.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDX theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định tại HSYC đã được đáp ứng không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 26.4. Nếu HSDX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSYC thì HSDX đó sẽ bị loại, không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSYC.
27. Sai sót không nghiêm trọng	27.1. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSYC. 27.2. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá đề xuất. HSDX của nhà thầu sẽ bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.

	27.3. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC, Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá đề xuất; giá đề xuất sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDX.
28. Nhà thầu phụ	28.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 28.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 28.3. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại BDL. 28.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan. 28.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 28.6. Chủ đầu tư không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định HSYC; đánh giá HSDX; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	29.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng

	được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đầu thầu. d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. 29.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh, xếp hạng HSDX. 29.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại BDL. 29.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại thuốc được hưởng ưu đãi để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì thuốc của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
30. Đánh giá HSDX	30.1. Tổ chuyên gia sẽ sử dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các HSDX. 30.2. Căn cứ vào HSDX của nhà thầu và báo cáo đánh giá HSDX của tổ chuyên gia, Chủ đầu tư phê duyệt danh sách các thuốc đáp ứng kỹ thuật đối với các nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT, đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm và có các thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSYC. 30.3. Quy trình: a) Bước 1: Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX; đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Tổ chuyên gia lập danh sách các thuốc đáp ứng kỹ thuật đối với các nhà thầu có tư cách hợp lệ, đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm và có các thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của HSYC. Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất

	của tổ chuyên gia, Đơn vị đàm phán giá xây dựng phương án đàm phán giá đối với các thuốc thuộc danh sách thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 05/2024/TT-BYT trình Thủ trưởng Đơn vị đàm phán giá phê duyệt. 30.4. Nguyên tắc đánh giá HSDX: a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDX không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDX của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận. b) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu đính kèm trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSDX thì nhà thầu bị loại; c) Việc đánh giá HSDX được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp thì Tổ chuyên gia đánh giá căn cứ theo thông tin tại bản gốc. d) Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại mục 13.5 CDNT thì việc đánh giá HSDX thực hiện theo quy định tại mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX tương ứng với phần tham dự thầu của nhà thầu.
31. Thực hiện đàm phán giá	31.1. Nhà thầu phải cung cấp Tờ khai hải quan gần nhất để tham khảo trong quá trình thực hiện đàm phán giá và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của tài liệu cung cấp. 31.2. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 05/2024/TT-BYT cụ thể như sau: <i>“Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất của tổ chuyên gia, Đơn vị đàm phán giá xây dựng phương án đàm phán giá đối với thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điều 5 Thông tư này trình Thủ trưởng Đơn vị đàm phán giá phê duyệt”.</i> 31.3. Thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 15 Thông tư số 05/2024/TT-BYT cụ thể như sau: <i>“1. Việc đàm phán giá được thực hiện theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc thông qua văn bản hoặc phối hợp hình thức trực tiếp và thông qua văn bản. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổ liên ngành quyết định lựa chọn hình thức đàm phán trực tiếp hoặc thông qua văn bản hoặc phối hợp hình thức trực tiếp và thông qua văn bản.”</i>

Đối với trường hợp áp dụng đàm phán giá trực tiếp, Đơn vị đàm phán giá là đầu mối tổ chức các cuộc họp đàm phán giá giữa Tổ liên ngành và nhà thầu; có trách nhiệm gửi thư mời đàm phán giá kèm theo mức giá mong muốn quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Đối với trường hợp đàm phán giá thông qua văn bản, Đơn vị đàm phán giá là đầu mối dự thảo và gửi văn bản thông báo đến nhà thầu về ý kiến của Tổ liên ngành trong quá trình đàm phán giá và tiếp nhận văn bản đàm phán giá của nhà thầu.

2. Tổ liên ngành thực hiện đàm phán giá đối với mỗi mặt hàng đã được phê duyệt phương án đàm phán giá.

3. Căn cứ phương án đàm phán giá được phê duyệt, trường hợp phương án đàm phán giá chỉ có một mức giá, Tổ liên ngành thực hiện đàm phán giá với nhà thầu theo nguyên tắc như sau:

a) Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

b) Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn mức giá mong muốn: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất. Việc đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá được thực hiện tối đa 03 lần.

Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

Trường hợp nhà thầu vẫn đề xuất giá cao hơn mức giá mong muốn: Tổ liên ngành xem xét, đề xuất về kết quả đàm phán.

4. Căn cứ phương án đàm phán giá được phê duyệt, trường hợp phương án đàm phán giá có khoảng giá, Tổ liên ngành thực hiện đàm phán giá với nhà thầu theo nguyên tắc như sau:

a) Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn thấp nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

b) Trường hợp nhà thầu đề xuất giá trong khoảng giá: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất.

Căn cứ ý kiến của nhà thầu, Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá.

c) Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất. Việc đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá được thực hiện tối đa 03 lần.

Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

Trường hợp nhà thầu vẫn đề xuất giá cao hơn mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành xem xét, đề xuất về kết quả đàm phán.

5. Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn giá đàm phán mong muốn, Tổ liên ngành đề nghị Đơn vị đàm phán giá thực hiện việc xin ý kiến về khả năng thay thế của thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm đàm phán giá bảo đảm nguyên tắc tổng số lượng nhu cầu của các đơn vị được xin ý kiến phải chiếm tối thiểu 50% tổng số lượng nhu cầu đề xuất:

a) Trường hợp có từ 70% trở lên các cơ sở y tế được tham khảo có ý kiến thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm cần thiết cho nhu cầu điều trị và không thể thay thế thì Tổ liên ngành thống nhất mức giá đề xuất của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

b) Trường hợp có dưới 70% các cơ sở y tế được tham khảo có ý kiến thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm cần thiết cho nhu cầu điều trị và không thể thay thế thì Tổ liên ngành kết thúc đàm phán giá.

6. Tổ liên ngành thống nhất kết quả đàm phán giá, quyết định kết thúc đàm phán giá trên cơ sở có ý kiến đồng thuận của ít nhất 2/3 thành viên Tổ liên ngành. Căn cứ kết quả đàm phán giá do Tổ liên ngành thực hiện (bằng biên bản hoặc kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến), Đơn vị đàm phán giá thông báo kết quả đàm phán giá.”

31.4. Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT cụ thể như sau: “7. Trường hợp có từ 02 nhà thầu trở lên tham gia đàm phán giá cùng hoạt chất, nồng độ hoặc hàm lượng, dạng bào chế (đối với thuốc) hoặc cùng cấu hình, tính năng kỹ thuật (đối với thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm), sau khi đàm phán giá, căn cứ kết quả đàm phán, Đơn vị đàm phán giá đề nghị các nhà thầu chào lại giá; trong văn bản đề nghị chào lại giá phải nêu rõ thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ chào lại giá, thời điểm mở các hồ sơ chào lại giá đồng thời mời các nhà thầu tham dự mở hồ sơ chào lại giá. Hồ sơ chào lại giá của nhà thầu phải được niêm phong và không được mở trước thời điểm mở hồ sơ chào lại giá. Khi đề xuất lại giá, nhà thầu không được đề xuất giá cao hơn giá đã đàm phán trước đó. Nhà thầu có giá đề xuất lại thấp nhất được công nhận trúng thầu.”

31.5. Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình đàm phán giá hoặc thuốc trúng thầu có thay đổi trong quá trình cung ứng, Đơn vị đàm phán giá được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc nhằm bảo

	đảm cung ứng đủ thuốc phục vụ kịp thời công tác điều trị của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT.
32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu theo một hoặc một số hoặc toàn bộ các phần của gói thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: 32.1. Có HSDX đáp ứng theo quy định tại Mục 1 Chương III; Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu; 32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 32.4. Có giá trị phân sai lệch thiếu không quá 10% giá đề xuất; 32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL.
33. Hủy thầu	33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSYC; c) HSYC không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d Mục 33.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự qua đường bưu điện. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm: a) Thông tin về gói thầu:

	- Số Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện thỏa thuận khung; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Tên nhà thầu; - Mã số thuế; - Giá đề xuất; - Giá đề xuất sau giảm giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện thỏa thuận khung; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; d) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu được lựa chọn. 34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của đơn vị đàm phán giá trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định. 34.3. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.
35. Thay đổi số lượng thuốc	35.1. Vào thời điểm trao thỏa thuận khung, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm số lượng thuốc nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSĐX và HSYC. 35.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi thỏa thuận khung hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng thuốc ngoài khối lượng nêu trong

	Chương V với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong thỏa thuận khung đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng thuốc bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
36. Thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.
37. Điều kiện ký kết thỏa thuận khung	37.1. Tại thời điểm ký kết thỏa thuận khung, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 37.2. Tại thời điểm ký kết thỏa thuận khung, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung trước đó. 37.3. Đơn vị có nhu cầu mua sắm theo quy định tại Thỏa thuận khung phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	38.1. Trước khi ký thỏa thuận khung, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 6 ĐKC Chương VI. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 20 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng.

	38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải quyết kiến nghị	39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp đến Chủ đầu tư theo địa chỉ quy định tại BDL. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.
CDNT 1.2	- Tên gói thầu: Cung cấp thuốc tránh thai năm 2026 (Mã hiệu: ĐPG.TTT.2026). - Tên dự toán mua sắm là: Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa gửi đàm phán giá.
CDNT 1.5	- Thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung: 60 ngày. - Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
CDNT 2	Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2026.
CDNT 5.1	Trường hợp sau thời điểm đóng thầu hoặc trong quá trình đánh giá HSDX hoặc trong quá trình đàm phán giá, thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận GMP hết hiệu lực (đối với nhóm thuốc phải đánh giá tính đáp ứng dây chuyền sản xuất) trước thời điểm đóng thầu: Nếu nhà thầu cung cấp được tài liệu chứng minh đã nộp hồ sơ gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc hoặc hồ sơ cập nhật hiệu lực GMP thì Chủ đầu tư tiếp tục đánh giá HSDX, đàm phán giá theo quy định.
CDNT 5.3	Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của thuốc dự thầu: - Nhà thầu liệt kê thông tin tên mặt hàng thuốc tham dự thầu, cơ sở tham gia sản xuất; số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược cấp và các thông tin có liên quan: Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin liên quan đến mặt hàng thuốc tham dự thầu theo quy định tại Mẫu số 13. Bảng giá đề xuất. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn). - Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai, bao gồm: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm hoặc Quyết định cấp số đăng ký hoặc Quyết định/Công văn gia hạn hiệu lực giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế; Quyết định/Công văn công bố kết quả đáp ứng GMP của cơ sở sản xuất để đối chiếu. Trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin của các tài liệu này và thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn) thì căn cứ theo văn bản mới nhất của Cục Quản lý Dược.
CDNT 11.5	- Nhà thầu phải cung cấp các thông tin về giá, các tiêu chí kinh tế kỹ thuật như sau:

	a) Giá xuất xưởng đối với thuốc sản xuất trong nước hoặc giá CIF (hoặc giá CIP) đối với thuốc nhập khẩu, giá bán cho các cơ sở y tế tại nước sản xuất và tại các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) do nhà thầu cung cấp (nếu có); b) Giá bán cho các cơ sở y tế tại thị trường Việt Nam; c) Chỉ định điều trị của thuốc và đánh giá hiệu quả lâm sàng của thuốc trong điều trị; Báo cáo đánh giá so sánh hiệu quả lâm sàng trong điều trị khi dùng thuốc so với các thuốc tiêu chuẩn (nếu có); d) Các dữ liệu phân tích về kinh tế y tế của thuốc bao gồm: chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích và chi phí - công dụng do nhà thầu cung cấp (nếu có); e) Cam kết và kế hoạch của nhà thầu về số lượng, chất lượng nguồn hàng và tiến độ cung cấp nếu trúng thầu.
CDNT 11.6	Không yêu cầu
CDNT 13.5	Nhà thầu ghi giá đề xuất theo gói thầu không chia phần quy định tại mục 13 CDNT.
CDNT 16.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc. b) Thông tin về việc đáp ứng hoặc duy trì đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt tùy theo từng loại hình kinh doanh: - GSP: Đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp thuốc. - GDP: Đối với cơ sở bán buôn thuốc. - GMP: Đối với cơ sở sản xuất thuốc. Thông tin về việc đáp ứng và duy trì đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. c) Thông báo trúng thầu hoặc hoá đơn bán thuốc hoặc hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung ứng thuốc để đánh giá theo quy định tại Mục 2 Chương III; Các tài liệu do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu là bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có đóng dấu xác nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDX là: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 19.2	Địa chỉ của Chủ đầu tư: - Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

	- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.
CDNT 20.1	Thời điểm đóng thầu là: 09 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2026
CDNT 22.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 09 giờ 15 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2026 , tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.
CDNT 28.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá đề xuất của nhà thầu.
CDNT 29.3	Cách tính ưu đãi: 1. Căn cứ theo hướng dẫn xác định thuốc sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu tại công văn số 9293/BYT-KHTC ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế: <i>“1. Thuốc là hàng hóa theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Đấu thầu.</i> <i>2. Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 214/2025/NĐ-CP, trong đó:</i> <i>- Thuốc có xuất xứ Việt Nam được hưởng mức ưu đãi quy định tại khoản 1.</i> <i>- Việc xác định tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của thuốc (D) thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 5 và nếu $D \geq 30\%$ thì thuốc đó được hưởng ưu đãi.”</i> 2. Ưu đãi đối với thuốc thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và thuốc không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (Phương pháp giá thấp nhất) được xác định như sau: a) Đối với phương pháp giá thấp nhất: Thuốc không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của thuốc đó vào giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; b) Đối với phương pháp giá đánh giá: thuốc không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của thuốc đó vào giá đánh giá của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
CDNT 30.1	Phương pháp đánh giá HSDX là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. b) Đánh giá về kỹ thuật: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. c) Đánh giá về tài chính: Theo quy định tại Mục 4 Chương III.
CDNT 32.5	- Có giá thống nhất thông qua đàm phán được Tổ liên ngành đề nghị công nhận trúng thầu. Giá đề nghị trúng thầu của thuốc không

	được cao hơn giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được Chủ đầu tư phê duyệt và tuân thủ các quy định khác về đấu thầu thuộc có liên quan.
CDNT 35.1	Tỷ lệ tăng số lượng tối đa là: tối đa không quá 10%. Tỷ lệ giảm số lượng tối đa là: tối đa không quá 10%.
CDNT 35.2	Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
CDNT 39.2	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: - Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia. - Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 11 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn đề xuất phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC;
- d) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu;
- e) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá đề xuất quy định tại Mẫu số 13 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu, hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá đề xuất, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT;

h) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

i) Tổng số tiền ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong Bảng giá đề xuất, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư;

k) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp thuốc tương tự; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu (trừ trường hợp HSYC quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp thuốc đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phân công việc dành cho các công ty con. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Nhà thầu đạt yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng cung cấp thuốc trở lên không hoàn thành do lỗi của nhà thầu. ⁽¹⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn đề xuất Mẫu số 01
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn đề xuất Mẫu số 01 và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽³⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tài chính, Mẫu số 07
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu quy định tại Bảng 4 Chương V - Phạm vi cung cấp ⁽⁴⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Báo cáo tài chính, Mẫu số 07
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần	Mẫu số 08, 09, 10



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	thuốc tương tự.	hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: a) Có tính chất tương tự: cung cấp thuốc. ⁽⁶⁾ b) Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) đạt tối thiểu quy định tại Bảng 4 Chương V - Phạm vi cung cấp ⁽⁷⁾	cầu này	cầu này	công việc đàm nhận)	
5	Yêu cầu khác	- Nhà thầu phải có kế hoạch nhập khẩu/sản xuất và cung ứng khả thi đảm bảo phân phối, giao hàng theo yêu cầu tại Chương V - Phạm vi cung cấp theo Mẫu số 11 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. - Nhà thầu phải có bản cam kết về đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 12 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đàm nhận)	Mẫu số 11, 12

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm 2025. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp ngày có thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu.

(4) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(5) Đối với các hợp đồng nhà thầu tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(6) Hợp đồng cung cấp thuốc tương tự:

- Nhà thầu được quyền cung cấp các hợp đồng cung cấp thuốc hoặc hóa đơn bán hàng kèm theo danh mục thuốc đã cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh hoặc các cơ sở kinh doanh thuốc để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Lưu ý:

+ Không bắt buộc nhà thầu chỉ được chứng minh bằng các hợp đồng cung cấp thuốc cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
+ Mặt hàng thuốc tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng thuốc dự thầu.

(7) Tương tự về quy mô: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp thuốc tương tự tối thiểu bằng 50% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá về kỹ thuật áp dụng phương pháp đạt/không đạt.

Thuốc được đánh giá đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ, kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt.

Nhà thầu có thuốc đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ, kỹ thuật được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

3.2. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: chi tiết tại Bảng 02 dưới đây.



Bảng 02

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chí		Đạt	Không đạt
1. Tính hợp lệ của thuốc:			
a) Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu tại Việt Nam ⁽¹⁾ :		Thuốc thuộc một trong các trường hợp sau: - Thuốc có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam. - Thuốc có số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đã nộp hồ sơ gia hạn.	Thuốc thuộc một trong các trường hợp sau: - Thuốc không có giấy đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu. - Thuốc có giấy đăng ký lưu hành/ giấy phép nhập khẩu nhưng đã bị thu hồi theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Dược.
b) Tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.		Thuốc không có tên trong các quyết định/thông báo thu hồi. Trường hợp thuốc bị thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì Nhà thầu phải cam kết chỉ cung cấp các lô thuốc không bị thu hồi.	Thuốc có tên trong các quyết định/thông báo thu hồi toàn bộ hoặc thuốc bị thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định mà Nhà thầu không có cam kết về việc chỉ cung cấp các lô thuốc không bị thu hồi.
c) Thành phần/hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, đơn vị tính, số lượng của thuốc dự thầu:		Phù hợp tất cả các yêu cầu của HSYC nêu tại Bảng 3 Chương V – Phạm vi cung cấp.	Không phù hợp với bất kỳ yêu cầu nào của HSYC nêu tại Bảng 3 Chương V – Phạm vi cung cấp.
d) Thuốc dự thầu vào nhóm thuốc phù hợp với yêu cầu của HSYC nêu tại Bảng 3 Chương V - Phạm vi cung cấp và quy định về việc dự thầu vào các nhóm thuốc của Bộ Y tế:		Phù hợp	Không phù hợp
2. Tính hình vi phạm chất lượng của thuốc trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu ⁽²⁾ :		Chưa phát hiện vi phạm về chất lượng hoặc có thông báo vi phạm về chất lượng chỉ vi phạm chất lượng ở mức độ 3.	Thuốc có thông báo vi phạm về chất lượng vi phạm chất lượng ở mức độ 1 hoặc ở mức độ 2.
3. Tính hình vi phạm chất lượng của cơ sở sản xuất thuốc dự thầu trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước ⁽³⁾ :		Có dưới 03 mặt hàng vi phạm chất lượng.	Có từ 03 mặt hàng trở lên vi phạm chất lượng.

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
4. Phạm vi, tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của HSYC nêu tại Chương V - Phạm vi cung cấp:	Có cam kết đúng theo yêu cầu của HSYC	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đúng theo yêu cầu của HSYC

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc: Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm hoặc Quyết định cấp số đăng ký hoặc Quyết định/Công văn gia hạn hiệu lực giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế. Trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin của các tài liệu này và thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>) thì căn cứ theo văn bản mới nhất của Cục Quản lý Dược.

Trường hợp sau thời điểm đóng thầu hoặc trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất, đàm phán giá thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của thuốc hoặc giấy chứng nhận GMP hết hiệu lực (đối với nhóm thuốc phải đánh giá tính đáp ứng dây chuyền sản xuất) trước thời điểm đóng thầu: Nếu nhà thầu cung cấp được tài liệu chứng minh đã nộp hồ sơ gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc hoặc giấy phép nhập khẩu của thuốc hoặc hồ sơ cập nhật hiệu lực GMP thì Chủ đầu tư tiếp tục đánh giá hồ sơ đề xuất, đàm phán giá theo quy định.

(2)(3) Căn cứ vào thông tin về các thuốc và cơ sở sản xuất thuốc có vi phạm chất lượng do Cục Quản lý Dược ra quyết định thu hồi, công văn thông báo thu hồi được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>). Mức độ vi phạm về chất lượng thuốc được quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

Bước 1: Xác định giá đề xuất;

Bước 2: Sửa lỗi theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 214/2025/NĐ-CP;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch:

Trường hợp HSĐX của nhà thầu chào thiếu số lượng so với yêu cầu trong HSYC tại Bảng 3 thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong HSĐX.

Trường hợp hồ sơ đề xuất của nhà thầu chào thừa số lượng so với yêu cầu trong HSYC tại Bảng 3 thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong HSĐX.

Trường hợp thuộc được liệt kê trong Bảng giá đề xuất của nhà thầu không thuộc phạm vi cung cấp nêu trong HSYC được coi là phần chào thừa và giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong HSĐX.

Đối với giá đề xuất của nhà thầu có sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch: Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc xác định giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư: nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả hoặc trường hợp nhà thầu nhận thấy việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch không phù hợp, chính xác, nhà thầu có văn bản đề nghị Chủ đầu tư xem xét lại.

Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá đề xuất chưa trừ đi giá trị giảm giá.

Bước 4: Xác định giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có).

Giá đề xuất được ghi tại tất cả các tài liệu, bảng biểu trong HSĐX phải thống nhất. Trường hợp giá đề xuất được ghi trong HSĐX không thống nhất (sau khi đã sửa lỗi theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư lấy giá đề xuất là giá thấp nhất để tiếp tục đánh giá HSĐX theo quy định.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01. Đơn đề xuất

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 04 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 05. Bản kê khai thông tin về cơ sở sản xuất

Mẫu số 06. Bản kê khai thông tin đại diện tham gia đàm phán

Mẫu số 07. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 08. Bảng tổng hợp các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 09. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 10. Tổng hợp hóa đơn bán hàng

Mẫu số 11. Kế hoạch nhập khẩu/sản xuất và cung ứng khi trúng thầu

Mẫu số 12. Cam kết của nhà thầu

Mẫu số 13. Bảng giá đề xuất

Mẫu số 14. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc tham dự thầu do nhà thầu tự đánh giá

Mẫu số 15. Bản kê khai thông tin chi tiết của thuốc tham dự thầu

Mẫu số 16. Bảng thông tin liên quan đến giá của thuốc tham dự thầu



ĐƠN ĐỀ XUẤT

Ngày: ____ [ghi ngày tháng năm ký đơn đề xuất]

Tên gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu theo Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá]

Kính gửi: ____ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [ghi đầy đủ và chính xác tên nhà thầu], Mã số thuế: ____ [ghi mã số thuế] cam kết thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] số Thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá số: ____ [ghi số trích yếu của Thông báo] theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽¹⁾ và giá đề xuất (tổng số tiền) là ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾ cùng với các bảng tổng hợp giá đề xuất kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá đề xuất với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]

Giá đề xuất sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDX: ____ [ghi thời gian hiệu lực HSDX theo yêu cầu của HSYC]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng cung cấp thuốc trở lên không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có

nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp thuốc, hoàn thành dịch vụ (nếu có) nêu trong HSĐX.

(2) Trường hợp giá đề xuất không thống nhất giữa các tài liệu, bảng biểu trong HSĐX, Chủ đầu tư xử lý theo quy định tại Mục 13.3 Chương I.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX hoặc văn bản đề nghị rút HSĐX, sửa đổi, nộp lại HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện thỏa thuận khung;

- Ký kết Thỏa thuận khung với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn;

- Ký kết hợp đồng với Bên mua nếu được lựa chọn;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thể bổ sung thêm các nội dung ủy quyền khác.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc: ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu];Căn cứ ⁽²⁾ ____;

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

M
M
THUỐC
GIA

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong thỏa thuận khung, hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mua theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự toán mua sắm] như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Ghi tên thành viên liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Ký đơn đề xuất;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX hoặc văn bản đề nghị rút HSĐX, sửa đổi, thay thế HSĐX;
- Tham gia quá trình hoàn thiện thỏa thuận khung;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết thỏa thuận khung ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá đề xuất
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____	- ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá đề xuất; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục trong phạm vi công việc hoặc không thuộc quá trình sản xuất ra thuộc thuộc các hạng mục.

Mẫu số 04 (a)

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: _____ <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty: _____ <i>[ghi năm thành lập công ty]</i>
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: _____ <i>[tại nơi đăng ký]</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Họ tên: _____ Chức vụ: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Thông tin về đại diện của nhà thầu <i>[đối với các địa bàn khác của nhà thầu khi trúng thầu]:</i> Địa bàn A: Họ tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____ Địa bàn ...: Tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được của cơ quan có thẩm quyền cấp, Quyết định thành lập... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 04 (b)

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN
CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: _____

Mã thuốc và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh
Họ tên: _____ Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
Thông tin về đại diện của thành viên liên danh <i>[đối với các địa bàn khác của nhà thầu liên danh]</i>
Địa bàn A: Tên: _____
Vị trí công tác: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
Địa bàn ...: Tên: _____
Vị trí công tác: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được của cơ quan có thẩm quyền cấp, Quyết định thành lập...
2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng: <i>[ghi thông tin thuốc dự thầu có cùng cơ sở sản xuất, cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành]</i>	
Tên cơ sở sản xuất: _____ <i>[ghi tên cơ sở sản xuất]</i>	
<i>Trong trường hợp sản phẩm được sản xuất tại nhiều nhà máy, ghi tên của từng nhà máy (theo giấy phép lưu hành của thuốc)</i>	
Địa chỉ cơ sở sản xuất: _____	
Địa chỉ văn phòng đại diện của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm - đăng ký hoạt động tại Việt Nam: _____ <i>[ghi địa chỉ, tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>	
Năm bắt đầu hoạt động tại Việt Nam: _____ <i>[ghi năm thành lập văn phòng đại diện]</i>	
Thông tin về đại diện của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm tại Việt Nam:	
Họ tên: _____	Chức vụ: _____
Địa chỉ: _____	
Số điện thoại/fax: _____	
Địa chỉ email: _____	
Kèm theo là các tài liệu chứng minh thông tin trên.	

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THAM GIA ĐÀM PHÁN

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng:

[ghi thông tin thuốc có cùng đại diện tham gia đàm phán]

Thông tin đại diện tham gia đàm phán của nhà thầu:

Họ tên: _____ Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

Thông tin đại diện tham gia đàm phán của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm nếu được mời để làm rõ các thông tin về mặt hàng thuốc tham dự thầu và cơ sở sản xuất:

Tên: _____

Quốc tịch: _____

Chức vụ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

T

Mẫu số 07

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			

Lợi nhuận sau thuế			
--------------------	--	--	--

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾ như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Mẫu số 08

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin tổng hợp giá trị các hợp đồng tương tự:

STT	Tên và số hợp đồng ⁽²⁾	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành	Giá hợp đồng (đối với nhà thầu độc lập)	Giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm (đối với trường hợp thành viên liên danh)	Giá trị đã thực hiện của nhà thầu	Tên dự án/dự toán mua sắm	Tên chủ đầu tư	Loại thuốc cung cấp theo hợp đồng
	Tổng cộng:					Σ			
	Tỷ lệ về tổng giá trị đã thực hiện so với giá gói thầu(%)					 (%)			

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III⁽²⁾			
1. Loại thuốc	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự thì bỏ qua Bảng này

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

TỔNG HỢP HÓA ĐƠN BÁN HÀNG ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin tổng hợp hóa đơn mua bán cần bảo đảm các thông tin sau đây:

STT	Hóa đơn		Giá trị hóa đơn (VND)	Tên bên mua	Số hợp đồng (nếu có)
	Số	Ngày tháng			
1					
2					
3					
4					
TỔNG GIÁ TRỊ CÁC HÓA ĐƠN :					
.....					
(Bằng chữ: ____./.)					
Tỷ lệ về tổng giá trị hóa đơn so với giá gói thầu(%)			... (%)		

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

KẾ HOẠCH NHẬP KHẨU/SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG KHI TRÚNG THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Tên gói thầu: _____ [Ghi đầy đủ tên gói thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi xin gửi bản kê khai năng lực nhập khẩu/sản xuất và kế hoạch về cung ứng và tiến độ giao hàng khi trúng thầu đối với các sản phẩm dự thầu như sau:

1. Năng lực và kế hoạch nhập khẩu/sản xuất:

TT	STT trong HSYC	Mã thuốc	Tên thuốc/sinh phẩm	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ/Hàm lượng	SDK/GPNK	Đơn vị tính	Năng lực sản xuất của nhà sản xuất/Năng lực nhập khẩu mỗi năm	Số lượng kế hoạch nhập khẩu/sản xuất ⁽¹⁾			
									Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt n
1												
...												

2. Kế hoạch cung ứng/giao hàng:

Ghi rõ thời gian, tiến độ cung ứng và cách thức tổ chức thực hiện cung ứng/giao hàng để đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng thuốc cho Đơn vị có nhu cầu mua sắm từ ngày ____ [khoảng thời gian có hiệu lực của kết quả trúng thầu] /trước ngày ____ [khoảng thời gian giao hàng yêu cầu theo HSYC]

Thời gian cần thiết để nhập khẩu thuốc từ nhà sản xuất về đến Việt Nam là khoảng ____ tuần/ngày/tháng.

Thời gian cần thiết để giao hàng cho Đơn vị có nhu cầu mua sắm kể từ ngày hàng về đến Việt Nam là khoảng ____ tuần/ngày/tháng.

Chúng tôi xin gửi các tài liệu kèm theo kế hoạch cung ứng bao gồm:....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Nhà thầu phải gửi kèm các tài liệu chứng minh tính hợp pháp và năng lực về khả năng cung ứng và giao hàng mà nhà thầu đã kê khai trong mẫu này.

(1) Số lượng nhập khẩu ghi theo các đợt nhập khẩu/sản xuất hoặc một đợt duy nhất cho tổng số lượng yêu cầu đối với sản phẩm dự thầu.

CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Tên gói thầu: _____ [Ghi đầy đủ tên gói thầu nhà thầu tham dự]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu, chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu Hồ sơ yêu cầu, như sau:

I. VỀ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

1. Thông tin ghi trong Hồ sơ đề xuất của nhà thầu là hoàn toàn chính xác.
2. Thông tin trong file mềm (USB) gửi đầy đủ các mẫu biểu cho Chủ đầu tư đúng như bản in gốc đã nộp.
3. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký và được Cục Quản lý Dược cấp phép, có giấy phép lưu hành/giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp.
4. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều có đủ giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, phiếu kiểm nghiệm, nước sản xuất, địa chỉ gửi hàng tới Việt Nam, giấy phép lưu hành/giấy phép nhập khẩu tại Việt Nam.
5. Các thông tin và tài liệu kèm theo về mặt hàng thuốc tham dự thầu mà chúng tôi cung cấp trong Hồ sơ đề xuất là trung thực đúng với hồ sơ đăng ký thuốc, hồ sơ kê khai giá bán buôn thuốc công bố, các giấy chứng nhận đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp.
6. Trung thực các thông tin về giá, tuân thủ các quy định của pháp luật về giá và các quy định có liên quan; không thực hiện các giao dịch không đúng quy định của pháp luật dẫn đến tăng giá thuốc.

II. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ CUNG ỨNG THUỐC

1. Nếu trúng thầu, sau khi ký kết thỏa thuận khung với Chủ đầu tư, chúng tôi có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua bán thuốc với Bên mua theo quy định tại Thỏa thuận khung và tổng hợp gửi bản quét (scan) hợp đồng đã ký về hòm thư điện tử của Chủ đầu tư.
2. Cung ứng kịp thời, chính xác, đầy đủ về số lượng thuốc trúng thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng thuốc trúng thầu như đã tham gia dự thầu và đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu, thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.
3. Cung ứng thuốc với các thông số về tên, thành phần/hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, đơn vị tính, đơn giá, quy cách đóng gói, GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất), Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm đúng như trong

tham gia dự thầu và đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền hoặc các thông tin được thay đổi theo quy định. Trong trường hợp Giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hoặc Quyết định/Công văn gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu hoặc GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất) hết hiệu lực, chúng tôi xin đảm bảo sẽ phối hợp với nhà đăng ký nộp hồ sơ gia hạn/cập nhật hiệu lực giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu, GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất) theo quy định và phối hợp với nhà cung cấp thuốc hoặc nhà nhập khẩu dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cung ứng thuốc theo tiến độ tại Hồ sơ yêu cầu và đề xuất các giải pháp đảm bảo cung ứng thuốc cho Bên mua.

4. Trong trường hợp công ty không cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với các thông tin thuốc như cam kết ở các mục trên, công ty sẽ có công văn giải trình và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo điều khoản phạt vi phạm thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

5. Quy trình bảo quản, vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển. Có phương tiện vận chuyển, chế độ bảo quản thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Bên mua.

6. Về việc hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: Phải còn ít nhất 5/6 thời gian hạn dùng kể từ khi nhập kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm.

7. Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nhãn trên bao bì đóng gói thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước về nhãn hàng hóa, nhãn thuốc và ghi dòng chữ “Thuốc chương trình, không được bán”.

8. Trong quá trình sử dụng, nếu kiểm tra thuốc đã giao không đảm bảo chất lượng (hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc) hoặc có Quyết định/thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư, Bên mua thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bên mua tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi trong thời hạn theo quy định. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan và bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trân trọng cảm ơn.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Y
NG TÂN
IA SẮM
UNG TH
ỐC GIA
★

BẢNG GIÁ ĐỀ XUẤT⁽¹⁾

Tên nhà thầu:
Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu:⁽²⁾
Tên gói thầu:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc/ sinh phẩm	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ /Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK (hiệu lực) ⁽³⁾	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	STT/Đợt công bố nguyên tắc GMP (hiệu lực) ⁽⁴⁾	Đơn vị tính ⁽⁵⁾	Giá bán buôn thuốc dự kiến công bố, công bố lại ⁽⁶⁾	Số lượng dự thầu	Đơn giá đề xuất	Thành tiền	Phân loại ⁽⁷⁾	Ghi chú
Tổng cộng giá đề xuất																				

- Tổng số sản phẩm dự thầu:
- Tổng cộng giá đề xuất:
(Ghi bằng chữ):
- Các ưu đãi khác (nếu có):

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

1. Trường hợp giá đề xuất không thống nhất giữa các tài liệu, bảng biểu trong HSDX, Chủ đầu tư xử lý theo quy định tại Mục 13.3 Chương I.
2. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.
3. Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ số giấy đăng ký lưu hành của thuốc hoặc số giấy phép nhập khẩu.
4. STT/Đợt công bố nguyên tắc GMP: Ghi rõ số thứ tự, đợt công bố và nguyên tắc GMP (EU-GMP, PIC/s-GMP...), ngày cấp, ngày hết hạn.
5. Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai...).
6. Giá bán buôn thuốc dự kiến công bố, công bố lại: Tính theo Đồng Việt Nam (VND), đã có thuế giá trị gia tăng (VAT).
7. Phân loại: Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau:
 - a. Thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 - b. Thuốc do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 - c. Thuốc do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD và ghi rõ tên cơ sở nhập khẩu đối với thuốc nhập khẩu.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT DO NHÀ THẦU TỰ ĐÁNH GIÁ

(Theo các tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc tại HSYC)

Tên nhà thầu: _____

Tên gói thầu: _____

Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: _____

S T T	STT trong HSYC	Mã thuốc	Tên thuốc/ sinh phẩm	Tên hoạt chất/ thành phần	Nồng độ /Hàm lượng	SDK hoặc GPNK	Tiêu chí 1a (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 1b (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 1c (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 1d (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 2 (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 3 (Đạt/ Không đạt)	Tiêu chí 4 (Đạt/ Không đạt)	Kết quả (Đạt/ Không đạt)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA THUỐC THAM DỰ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Tên gói thầu: _____

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1	Tên thuốc: Tên thành phần/hoạt chất: Nồng độ, hàm lượng: Quy cách đóng gói: Dạng bào chế: <i>(bằng chứng nghiên cứu/chứng minh về dạng bào chế ưu việt – nếu có)</i>	
2	Thông tin về nhà sản xuất: - Tên, địa chỉ: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	
3	Tên, địa chỉ nhà sản xuất nhượng quyền và giá xuất xưởng được sản xuất nhượng quyền của thuốc dự thầu tại các nước khác trên thế giới (nếu có):	Tại nước ...: - Tên thuốc - Tên, địa chỉ nhà sản xuất: - Giá xuất xưởng:
4	Thuốc dự thầu được sản xuất theo tiêu chuẩn của dược điển:	<i>(ghi rõ tiêu chuẩn)</i>
5	Số đăng ký/ giấy phép nhập khẩu của thuốc dự thầu: - Số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu: - Thời gian hết hiệu lực: - Số giấy phép lưu hành và thời gian thuốc được cấp phép lưu hành lần đầu tiên tại Việt Nam: - Thời gian lưu hành trên thế giới:	
6	Thông tin về tác dụng điều trị của thuốc dự thầu: - Chỉ định điều trị của thuốc: - Đánh giá hiệu quả lâm sàng của thuốc trong điều trị: - Liều dùng (theo ngày, đợt, tháng): - Báo cáo đánh giá so sánh hiệu quả lâm sàng trong điều trị khi dùng thuốc so với các thuốc tiêu chuẩn (nếu có):	
7	Số lượng và giá trị thuốc đã cung cấp cho các cơ sở y tế tại Việt Nam trong 03 năm tính đến thời điểm phát hành HSYC được quy định trong thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá gói thầu này:	
8	Số lượng và giá trị thuốc đã cung ứng cho thị trường Việt Nam trong 03 năm tính đến thời điểm phát hành HSYC được quy định trong thông báo mời cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá gói thầu này:	
9	Các dữ liệu phân tích về kinh tế y tế của thuốc dự thầu bao gồm: chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích và chi phí - công dụng do nhà thầu cung cấp (nếu có):	

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú: Các thông tin do nhà thầu cung cấp theo bảng trên phải kèm theo các tài liệu chứng minh.

BẢNG THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ CỦA THUỐC THAM DỰ THẦU
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Tên nhà thầu: _____

Tên gói thầu: _____

Tên thuốc dự thầu: _____

Số Giấy đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu: _____

Tên thành phần/hoạt chất; nồng độ/hàm lượng: _____

Dạng bào chế, quy cách đóng gói: _____

Tên cơ sở sản xuất, nước sản xuất: _____

Đơn vị tính nhỏ nhất: (Chai/lọ/ống/viên/...)

I. Giá bán buôn thuốc dự kiến đã được công bố tại thời điểm gần nhất (cho 01 đơn vị đóng gói nhỏ nhất):

- Giá bán buôn thuốc dự kiến :

- Thời điểm công bố:

II. Cơ cấu giá đề xuất của thuốc tham dự thầu: nhà thầu giải trình chi tiết từng khoản mục chi phí tại Bảng thuyết minh về cơ cấu giá đề xuất cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất (kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh)

**BẢNG TỔNG HỢP THUYẾT MINH VỀ CƠ CẤU GIÁ ĐỀ XUẤT
CHO MỘT ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI NHỎ NHẤT**

1. Đối với thuốc nhập khẩu:

ĐVT: VND

TT	Nội dung	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (% so với giá CIF)	Tỷ lệ (% so với giá đề xuất	Ghi chú
I	Giá xuất xưởng/Giá nhập khẩu ($I=1+2+3$)				
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (Giá CIF)				
2	Các khoản thuế, phí (nếu có)				
3	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)				
II	Các chi phí chung (Chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính (nếu có))				
III	Lợi nhuận				
IV	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định				
V	Giá đề xuất ⁽¹⁾ ($V= I + II + III + IV$)				

Ghi chú: (1) Trường hợp giá đề xuất không thống nhất giữa các tài liệu, bảng biểu trong HSDX, Chủ đầu tư xử lý theo quy định tại Mục 13.3 Chương I.

2. Đối với thuốc sản xuất trong nước:

ĐVT: VND

TT	Nội dung	Giá trị (VND)	Ghi chú
I	Giá thành thuốc sản xuất trong nước ($I = 1 + 2 + 3 + 4$)		
1	Giá thành sản xuất thuốc sản xuất trong nước ($I = a + b + c + d + e$)		
a	Chi phí vật tư trực tiếp		
b	Chi phí nhân công trực tiếp		
c	Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp		
d	Chi phí sản xuất chung		
e	Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định phục vụ sản xuất (chưa tính ở trên)		
2	Chi phí bán hàng (nếu có)		
3	Chi phí quản lý (nếu có)		
4	Chi phí tài chính (nếu có)		
II	Lợi nhuận		
III	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định		
IV	Giá đề xuất⁽²⁾ ($IV = I + II + III$)		

Ghi chú: (2) Trường hợp giá đề xuất không thống nhất giữa các tài liệu, bảng biểu trong HSDX, Chủ đầu tư xử lý theo quy định tại Mục 13.3 Chương I.

III. Giá đã bán 01 đơn vị đóng gói nhỏ nhất của thuốc dự thầu:

Địa điểm	Giá bán cho các cơ sở y tế (tính theo VND)
Tại thị trường Việt Nam trong vòng 03 năm đến thời điểm đóng thầu: - Năm ____: - Năm ____: - Năm ____:	
Tại nước sản xuất trong 03 năm đến thời điểm đóng thầu: - Năm ____: - Năm ____: - Năm ____:	
Tại các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (nếu có): - (Liệt kê các nước):	

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

- Theo danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá đính kèm trong HSYC (Chi tiết tại Bảng 3 Chương này).

- Trong quá trình vận chuyển, giao, nhận thuốc phải đảm bảo đúng các điều kiện bảo quản theo nguyên tắc GDP, GSP, quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế.

2. Biểu tiến độ cung cấp

- Thuốc phải được giao kịp thời, chính xác, đầy đủ về số lượng, đúng các thông tin, tiêu chuẩn chất lượng đã tham dự thầu như trong HSĐX và theo tiến độ số lượng yêu cầu cung ứng thuốc cho Bên mua tại Bảng 3 Chương này. Yêu cầu về thời hạn giao hàng: 01 lần/năm vào quý IV năm 2026.

- Giao hàng tại Kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm. Thời gian giao hàng cụ thể được thể hiện trong hợp đồng mua sắm thuốc giữa Bên mua và nhà thầu, tuân thủ đầy đủ, đúng các thủ tục, quy định hiện hành và đáp ứng đầy đủ các điều kiện khác theo yêu cầu của Bên mua.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp thuốc tránh thai năm 2026 (Mã hiệu: DPG.TTT.2026);

- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

- Yêu cầu về cung cấp thuốc thuộc gói thầu: Theo danh mục thuốc mời thầu tại Bảng 3 Chương này.

- Địa điểm giao hàng: Giao tại kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm (Chi tiết tại Bảng 5 Chương này).

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung:

Thuốc dự thầu phù hợp với thành phần/hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, đơn vị tính và nhóm thuốc theo yêu cầu tại Bảng 3 Chương này.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết:

Thuốc đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá tại Mục 3 Chương III HSYC.

2.3. Các yêu cầu khác

Tùy từng trường hợp cụ thể, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu đặc thù khác để chứng minh chất lượng và khả năng cung ứng mặt hàng dự thầu.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành khi bàn giao hàng hoá gồm có:

Trong quá trình sử dụng, nếu kiểm tra thuốc đã giao không đảm bảo chất lượng (hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc) hoặc có Quyết định/thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư, Bên mua thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi trong thời hạn theo quy định. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan và bồi thường thiệt hại (nếu có).

T.E.

Bảng 3

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Thành phần/hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Giá gói thầu (VND)	Tiến độ cung cấp
1	TTT	Etonogestrel	68mg	Que cấy dưới da	Cấy dưới da	Que cấy	1	1.612	1.720.000	2.772.640.000	01 lần/năm vào quý IV năm 2026



Bảng 4

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

STT	Mã Thuốc	Thành phần/hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Giá gói thầu (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (VND) (không bao gồm thuế VAT)	Quy mô tối thiểu của hợp đồng cung cấp thuốc tương tự (VND)
1	TTT	Etonogestrel	68mg	Que cấy dưới da	Que cấy	2.772.640.000	3.960.915.000	1.386.320.000

Bảng 5

**PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT CHO
CÁC ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA SẮM**

STT	Tỉnh/thành phố	Đơn vị có nhu cầu mua sắm	Số lượng (que cây)
1	Huế	Trung tâm Y tế Hương Thủy	30
2	Huế	Trung tâm Y tế Thuận Hóa	81
3	Huế	Trung tâm Y tế Phong Điền	40
4	Huế	Trung tâm Y tế Quảng Điền	20
5	Huế	Trung tâm Y tế Phú Xuân	50
6	Huế	Trung tâm Y tế A Lưới	100
7	Huế	Trung tâm Y tế Phú Vang	40
8	Huế	Trung tâm Y tế Hương Trà	10
9	Huế	Trung tâm Y tế Phú Lộc	50
10	Gia Lai	Chi cục Dân số tỉnh Gia Lai	950
11	Vĩnh Long	Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long	42
12	Đồng Tháp	Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang	10
13	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	2
14	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	6
15	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Cao Lãnh 2	5
16	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông	1
17	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Bình Phú	7
18	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Lai Vung	4
19	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Tây	1
20	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Bình	19
21	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Tân Hồng	10
22	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 2	5
23	Cần Thơ	Chi cục Dân số - Xã hội thành phố Cần Thơ	129

Phần 3. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

1. Định nghĩa	Trong thỏa thuận khung này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư”, “Bên mua” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. “Tài liệu thỏa thuận khung” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong thỏa thuận khung, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của thỏa thuận khung; 1.6. “Giá thỏa thuận khung” là tổng số tiền ghi trong thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá thỏa thuận khung đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “tháng” là tháng dương lịch; 1.8. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Tài liệu thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; b) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có); c) Thư chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

	e) ĐKCT; g) ĐKC; h) HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; i) HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); k) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT , Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Thỏa thuận khung phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. Việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công

	việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSĐX. 7.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của thỏa thuận khung này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu, chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT .
13. Giá thỏa thuận khung	13.1. Giá thỏa thuận khung được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá thỏa thuận khung trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá thỏa thuận khung đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá thỏa thuận khung quy định tại Phụ lục bảng giá thỏa thuận khung là một bộ phận không tách rời của thỏa thuận khung này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.

14. Thuế, phí, lệ phí	14.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi thuốc được giao cho chủ đầu tư. 14.2. Trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 14.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mua thanh toán chậm Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bảo quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến thỏa thuận khung	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của thỏa thuận khung cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện thỏa thuận khung được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện thỏa thuận khung này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện thỏa thuận khung. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận khung.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Thỏa thuận khung này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương V - Phạm vi cung cấp.

Y
TRUNG
MUA
P. TRU
QUO

19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại thuốc và hình thức vận chuyển. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng, thay đổi đặc tính trong quá trình bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải phù hợp với việc vận chuyển và giao nhận.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
21. Vận chuyển, giao hàng và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển, giao hàng thuốc và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	21.1. Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của thỏa thuận khung. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 21.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo thỏa thuận khung thì Bên mua có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mua có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mua sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm thuốc được cung cấp có nguồn gốc, xuất xứ theo đúng quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. 24.2. Nhà thầu bảo đảm chất lượng thuốc cung cấp theo hợp đồng phải đáp ứng theo tiêu chuẩn chất lượng quy định tại được diễn theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã công bố hoặc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành và các quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm thuốc được cung cấp theo

	hợp đồng sẽ không có các vấn đề nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.3. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong Thỏa thuận khung, hợp đồng, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Thỏa thuận khung, hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung Thỏa thuận khung, hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Bên mua và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

hợp đồng	27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt thỏa thuận khung	Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt thỏa thuận khung nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về thỏa thuận khung như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong thỏa thuận khung hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia; Bên mua: Đơn vị có nhu cầu mua sắm.
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
ĐKC 1.9	Địa điểm dự án/điểm giao hàng cuối cùng là: Kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm.
ĐKC 2.2 k)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Thỏa thuận khung: Các văn bản thỏa thuận được các bên thống nhất, ký và đóng dấu (nếu có).
ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	- Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia Địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 627 323 39 Fax: ____ Email: ttms@moh.gov.vn - Đồng thời các văn bản cần gửi theo địa chỉ của các bên ký Thỏa thuận khung.
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo mẫu số 20 Chương VIII). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày Thỏa thuận khung hết hiệu lực.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày làm việc sau khi hết thời gian hiệu lực thỏa thuận khung.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 7.3	Các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp.

	- Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa tranh chấp ra Tòa án các cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết theo quy định hiện hành. Mọi chi phí để giải quyết tranh chấp tại Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ về việc vận chuyển thuốc sau đây: - Hóa đơn bán hàng theo quy định; - Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng. Bên mua phải nhận được các tài liệu, chứng từ nói trên trước khi tiếp nhận thuốc, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
ĐKC 13.1	Giá thỏa thuận khung: ____ [<i>ghi giá theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung</i>].
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép
ĐKC 15.1	- Phương thức thanh toán: Bên mua ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định. - Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu. - Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ số lượng cho Bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: - Thuốc phải được đóng gói, bảo quản, dán nhãn theo đúng quy định chuyên ngành và tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. - Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

	- Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chần kiện); còn nguyên nhãn hàng hóa, nhãn thuốc (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. Nhãn trên bao bì đóng gói thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước về nhãn hàng hóa, nhãn thuốc và ghi dòng chữ “Thuốc chương trình, không được bán”. - Với các thuốc lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Quy định tại hợp đồng giữa Bên mua và Nhà thầu. - Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng và các trách nhiệm khác có liên quan đến toàn bộ hàng hóa trong hợp đồng. Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường các mất mát, tổn thất, hỏng, vỡ trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng. - Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng thuốc của nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa Bên mua, nhà thầu với người bệnh.
ĐKC 21	Yêu cầu về vận chuyển, giao hàng thuốc: - Thuốc phải được giao tại kho của Bên mua (Bảng 5 của HSYC). Bên mua thỏa thuận cụ thể theo hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu về địa chỉ và những điều khoản khác (nếu có) trong giao nhận hàng hóa. Quy trình vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển. - Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển, bảo quản; phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc – GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Các yêu cầu khác: - Thuốc phải được vận chuyển theo đúng điều kiện vận chuyển, bảo quản và phải đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng. Trong trường hợp thuốc do nhà thầu cung cấp không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, không đạt chất lượng, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm thu hồi và cung cấp lại thuốc đạt kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSYC và nội dung thông tin HSĐX đã trúng thầu. - Bên mua thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu về những yêu cầu khác trong vận chuyển và các dịch vụ phát sinh (nếu có).

ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: Bên mua có quyền kiểm tra để khẳng định thuốc có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng hay không. Nội dung, thời gian địa điểm kiểm tra, cách thức tiến hành kiểm tra trong quá trình giao nhận thuốc: - Sau khi nhận hàng: Kiểm tra chi tiết từng mặt hàng về chủng loại, số lượng, chất lượng thuốc theo đúng các quy định về chuyên môn dược và các yêu cầu liên quan đến đặc tính kỹ thuật của thuốc nêu trong hợp đồng. Nếu có vấn đề về chất lượng, Bên mua thông báo cho Nhà thầu để giải quyết. - Cách thức tiến hành kiểm tra: Theo đúng các quy định về kiểm nhập thuốc hiện hành.
ĐKC 23	Mức khấu trừ: 0,1%/ngày Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm. Việc xác định mức độ vi phạm cung ứng do Bên mua và nhà thầu thỏa thuận trong hợp đồng.
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có).
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng: - Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: + Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện, Bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc; + Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua, Nhà thầu phải có văn bản trả lời và đề xuất phương án tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc nếu liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu.
ĐKC 24.3	Yêu cầu về hạn sử dụng: Phải còn ít nhất 5/6 thời gian hạn dùng kể từ khi nhập kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm.
ĐKC 26.1(d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung, hợp đồng: Trường hợp thuốc trúng thầu có thay đổi trong quá trình cung ứng thuốc nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong HSĐX, Chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có).
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không có

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 17. Thư chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung

Mẫu số 18. Thỏa thuận khung

Mẫu số 19. Hợp đồng

Mẫu số 20. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ *[ghi tên, số hiệu/mã hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư ____ *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất, giá đề xuất thống nhất thông qua đàm phán và trao thỏa thuận khung cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá trị thỏa thuận khung là ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện thỏa thuận khung là ____ và thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện thỏa thuận khung và thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết thỏa thuận khung với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện thỏa thuận khung: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện thỏa thuận khung]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện thỏa thuận khung]*;
- Thời gian ký kết thỏa thuận khung: ____ *[ghi thời gian ký kết thỏa thuận khung]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết thỏa thuận khung]*, gửi kèm theo Dự thảo thỏa thuận khung.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 20 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT Chương VII của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết thoả thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết thoả thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo thoả thuận khung.

TRUN
MUA
P TRU
QUC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

THỎA THUẬN KHUNG

Số: _____

*V/v cung cấp thuốc thuộc gói Cung cấp thuốc tránh thai năm 2026**Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15);**Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;**Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá, , được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày .../.../..... của ...[Đơn vị có thẩm quyền]... về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ...[ghi tên gói thầu].... của[ghi tên đơn vị mua sắm tập trung]...;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày/...../..... của ...[ghi tên đơn vị đàm phán giá]... về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu ...[ghi tên gói thầu]....;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày .../.../..... của ...[ghi tên đơn vị đàm phán giá]... về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu...[ghi tên gói thầu].... ;**Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung của ...[ghi tên đơn vị đàm phán giá]...,**.....[Ghi thêm các căn cứ khác (nếu có)].....**Hôm nay, ngày tháng năm ... , tại ...[ghi tên địa điểm ký thỏa thuận khung]..., Chúng tôi gồm:***I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):**

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm (trường hợp được ủy quyền).

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng và số lượng thuốc trúng thầu theo số lượng được phân bổ cho các Đơn vị có nhu cầu mua sắm Phụ lục 1, 2.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và Bên mua sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu theo thỏa thuận khung này: Đơn vị có nhu cầu mua sắm (Bên mua).
- Nhà thầu giao hàng làm một đợt trong thời gian kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung quy định trong hợp đồng. Bên mua gọi giao hàng, dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế; Nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với Bên mua được quy định trong hợp đồng nhưng tối đa không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mua.
- Địa điểm giao hàng: Kho của Đơn vị có nhu cầu mua sắm.

3. Giá trị thỏa thuận khung:

- Giá trị thỏa thuận khung: ____ [ghi rõ giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền].
- Đơn giá, giá hàng hóa tương ứng với từng loại hàng hóa tại Điều 1 của thỏa thuận khung: ____

4. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

4.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: phải còn ít nhất 5/6 thời gian hạn dùng kể từ khi nhập.

- Thuốc phải được đóng gói, bảo quản, dán nhãn theo đúng quy định chuyên ngành và tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chẵn kiện); còn nguyên hàng hóa, nhãn thuốc (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. Nhãn trên bao bì đóng gói thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước về nhãn hàng hóa, nhãn thuốc và ghi dòng chữ “Thuốc chương trình, không được bán”.

- Có Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của Bên mua. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được.

- Thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ yêu cầu.

4.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Bên mua ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

- Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ cho bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.

4.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành:

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có Quyết định/thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư, Bên mua. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan và bồi thường thiệt hại (nếu có).

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa:

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với Bên mua theo mặt hàng và số lượng trúng thầu. Trong đó Nhà thầu có trách nhiệm:

+ Liên hệ với Bên mua để ký kết hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực.

+ Hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Bên mua trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản (bản giấy/điện tử) đề nghị ký kết hợp đồng của Bên mua hoặc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm).

+ Gửi hợp đồng đã ký với Bên mua về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia theo địa chỉ ngniepvduoc.ttms@gmail.com và ngniepvduoc.ttms@moh.gov.vn hoặc gửi trực tiếp (USB) trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Cung ứng kịp thời, đầy đủ số lượng thuốc, đúng tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng thuốc, đúng chủng loại với đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm và yêu cầu được nêu trong Điều kiện chung tại Chương VI, Điều kiện cụ thể tại Chương VII và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu và Hồ sơ đề xuất của nhà thầu (*đính kèm bản cam kết của nhà thầu*).

- Thực hiện điều tiết thuốc, báo cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 05/2024/TT-BYT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT) và hướng dẫn của Cục Dân số.

7. Trách nhiệm của Bên mua:

- Căn cứ kết quả đàm phán giá và số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung, Bên mua có trách nhiệm hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trực tiếp hoặc gián tiếp (qua hình thức chuyển phát...) theo danh mục, số lượng với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Giám đốc

Trung tâm phê duyệt và Thỏa thuận khung đã được Trung tâm công bố. Trong đó, Bên mua có trách nhiệm:

- + Yêu cầu nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng bằng văn bản (bản giấy/điện tử) kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực nhưng tối đa không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn của Trung tâm.

- + Phối hợp với nhà thầu hoàn thiện ký kết hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày có văn bản (bản giấy/điện tử) đề nghị ký kết hợp đồng của Bên mua.

- Thời gian thực hiện gói thầu: theo thỏa thuận với nhà thầu nhưng tối đa là 30 ngày và trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: theo thỏa thuận với nhà thầu nhưng tối đa là 30 ngày và trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám, chữa bệnh, có trách nhiệm thanh toán kịp thời và thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Thanh toán kịp thời và thanh lý hợp đồng theo quy định tại Thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

- Báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu hình thức đàm phán giá định kỳ hoặc đột xuất theo văn bản hướng dẫn của Cục Dân số.

- Thực hiện điều tiết thuốc theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT và hướng dẫn của Cục Dân số.

8. Trách nhiệm của Cục Dân số:

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các Đơn vị có nhu cầu mua sắm thuốc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Bên mua thực hiện việc lập kế hoạch nhu cầu sử dụng thuốc và giám sát, hướng dẫn điều tiết thuốc, hướng dẫn việc báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2025/TT-BYT ngày 07/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế), theo thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong công việc thương thảo và ký hợp đồng cho các Đơn vị có nhu cầu mua sắm.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc cho Bên mua để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết và thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua.

- Trường hợp nhà thầu không cung ứng đầy đủ số lượng thuốc và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên mua, Cục Dân số thông báo cho Trung tâm để Trung tâm phối hợp kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc (trừ trường hợp Bên mua thanh toán chậm theo quy định).



9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử của Trung tâm theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế và gửi đến Cục Dân số.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để Nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng với Bên mua.

- Phối hợp với Cục Dân số giám sát tình hình cung ứng thuốc của Nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với Cục Dân số để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc và xử lý vi phạm của nhà thầu theo quy định (nếu có).

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở Bên mua ký hợp đồng mua thuốc với Nhà thầu trúng thầu.

- Các bên thống nhất thỏa thuận lại trong trường hợp: (1) Sửa đổi, bổ sung các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung; (2) Việc thực hiện Thỏa thuận khung ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và hiệu quả kinh tế của gói thầu. Việc thỏa thuận lại không thành công thì được hiểu chấm dứt Thỏa thuận khung.

- Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, trường hợp có phát sinh, vướng mắc thì các bên liên quan có văn bản phản ánh về Trung tâm để phối hợp giải quyết.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 60 ngày, có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Thỏa thuận khung tự động chấm dứt kể từ ngày thỏa thuận khung này hết hiệu lực.

11. Xử phạt do vi phạm

Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

(Kèm theo Thỏa thuận khung số/..... ký ngày/...../.....)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu trong HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện thỏa thuận khung, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc, phạm vi cung cấp. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

TT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký hoặc GPNK	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ) (có VAT)
1															
2															
...															

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(ghi tên, chức danh, kí tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(ghi tên, chức danh, kí tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ CỐ NHU CẦU MUA SẮM
(Kèm theo Thỏa thuận khung số/..... ký ngày/...../.....)

STT	Tên Đơn vị cố nhu cầu mua sắm	Tên tỉnh/thành phố	Số lượng	Đơn giá (VND) (có VAT)	Thành tiền (VND) (có VAT)
1					
2					
3					
...					
Tổng					

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾**(Mua bán thuốc giữa Bên mua và nhà thầu trúng thầu)**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ (2) (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);
 - Căn cứ (2) (Luật Đấu thầu năm 2023, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15);

- Căn cứ (2) (Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và thông báo chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được ____ [ghi tên Bên mua] và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mua [ghi tên bên mua]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ :

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.



quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

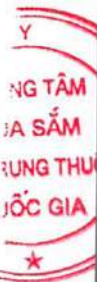
Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục;
3. Thư Chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao Thỏa thuận khung;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có);
6. Điều kiện chung của thỏa thuận khung;
7. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà thầu;
8. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);
9. Các văn bản thỏa thuận được các bên của hợp đồng thống nhất, ký và đóng dấu (nếu có)
10. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A⁽³⁾

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn



quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B⁽³⁾

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.1 ĐKCT Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.3 CDNT, HSDX, thỏa thuận khung và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Bên mua giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN MUA**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và Bên mua về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng thuốc không đúng quy định theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và Bên mua.

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)											

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Các Đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng và thụ hưởng bảo lãnh (theo danh sách phụ lục đính kèm)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các Đơn vị có nhu cầu mua sắm bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các Đơn vị có nhu cầu mua sắm bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Đơn vị có nhu cầu mua sắm trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA SẮM THỦ HƯỚNG BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo bảo lãnh thực hiện hợp đồng số..... ngày của Ngân hàng)

STT	Tên Đơn vị có nhu cầu mua sắm	Tên tỉnh/thành phố	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
1				
2				
3				
...				
Tổng				

